

Số: 31/TB-MPC25

Cà Mau, ngày 15 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- Báo Cáo Tài Chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/08/2025
tại đường dẫn: minhphu@minhphu.com

Tài liệu đính kèm:

- BCTC công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 6103000072

ngày 12 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các giấy bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 2000393273

ngày 15 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 15 tháng 10 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Quang
Ông Lê Văn Điệp
Ông Phan Thanh Lộc
Bà Hồ Thu Lê
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
Ông Sasaki Takahiro
Ông Suzuki Yoshiaki
Bà Lê Thị Dịu Minh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 21 tháng 6 năm 2025)
Thành viên
(đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)

Ông Bùi Anh Dũng

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang
Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Điệp
Ông Bùi Anh Dũng
Ông Lê Ngọc Anh
Bà Lê Thị Dịu Minh
Ông Chu Hồng Hà
Ông Suzuki Yoshiaki

Bà Lê Thị Minh Phú

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Tsunoda Norihisa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 8 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Văn Khánh
Bà Lâm Thị Thúy Kiều
Bà Vũ Thị Thảo Nguyên

Trưởng ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Phường 8
Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 15 tháng 8 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00460-25-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025

511
CH
ÔN
VHF

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.259.196.633.993	2.816.960.941.782
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	62.222.940.262	349.195.011.952
Tiền	111		62.222.940.262	61.195.011.952
Các khoản tương đương tiền	112		-	288.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.226.036.394
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	5.535.941.176	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(5.535.941.176)	(5.580.753.017)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.801.380.136.868	1.274.269.157.666
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.152.612.557.272	997.127.050.609
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	31.202.886.291	42.713.614.460
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	273.200.000.000	170.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	353.850.189.015	73.213.988.307
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(9.485.495.710)	(9.485.495.710)
Hàng tồn kho	140	10	1.287.002.335.407	1.107.284.399.614
Hàng tồn kho	141		1.310.152.140.768	1.107.284.399.614
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.149.805.361)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		108.591.221.456	82.986.336.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.605.693.907	3.602.036.750
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	99.326.741.943	74.540.245.805
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(c)	4.658.785.606	4.844.053.601

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.545.971.186.509	4.677.392.320.146
Tài sản cố định	220		205.713.491.408	214.198.579.977
Tài sản cố định hữu hình	221	11	190.232.242.298	197.880.031.849
Nguyên giá	222		642.005.718.710	634.051.735.152
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(451.773.476.412)	(436.171.703.303)
Tài sản cố định vô hình	227	12	15.481.249.110	16.318.548.128
Nguyên giá	228		35.848.801.130	35.848.801.130
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.367.552.020)	(19.530.253.002)
Tài sản dở dang dài hạn	240		82.771.039.776	82.611.181.002
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	82.771.039.776	82.611.181.002
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.225.771.605.985	4.346.485.153.270
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	5.930.002.034.231	5.921.502.034.231
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.719.630.428.246)	(1.590.416.880.961)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	11.500.000.000	11.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		31.715.049.340	34.097.405.897
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	31.131.650.829	33.577.587.764
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	583.398.511	519.818.133
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.805.167.820.502	7.494.353.261.928

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

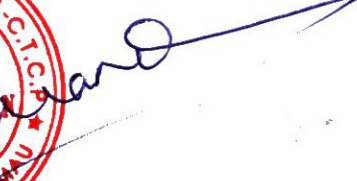
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.565.396.794.113	2.399.917.252.003
Nợ ngắn hạn	310		2.565.396.794.113	2.399.917.252.003
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	393.039.011.932	127.153.479.900
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		324.879.462.714	231.646.292.794
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	861.165.290	9.342.099.886
Phải trả người lao động	314		31.264.210.954	56.958.161.021
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.548.295.943	2.426.725.516
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	22.426.985.632	299.408.566.563
Vay ngắn hạn	320	19	1.783.182.146.799	1.627.445.939.754
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	7.195.514.849	45.535.986.569
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.239.771.026.389	5.094.436.009.925
Vốn chủ sở hữu	410	21	5.239.771.026.389	5.094.436.009.925
Vốn cổ phần	411	22	4.009.383.000.000	4.009.383.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	292.269.641.421	292.269.641.421
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	20.813.679.617	62.592.983.652
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		917.304.705.351	730.190.384.852
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		788.988.358.035	695.061.316.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		128.316.347.316	35.129.067.922
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.805.167.820.502	7.494.353.261.928

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập:

**Lê Quang Huy**
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

**Lưu Minh Trung**
Kế toán trưởng
Lê Văn Điệp**Phó Tổng Giám đốc**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

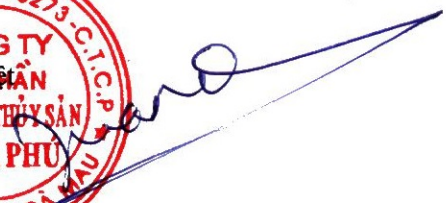
	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	3.609.531.967.419	3.543.641.035.009
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	5.760.355.944	36.658.389.285
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	3.603.771.611.475	3.506.982.645.724
Giá vốn hàng bán	11	26	3.168.041.441.455	3.226.304.138.951
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		435.730.170.020	280.678.506.773
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	79.583.465.883	49.313.782.427
Chi phí tài chính	22	28	204.211.949.518	176.486.570.715
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.025.914.731	32.387.382.814
Chi phí bán hàng	25	29	143.157.787.153	170.567.326.271
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	41.379.866.096	47.070.365.792
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		126.564.033.136	(64.131.973.578)
Thu nhập khác	31		2.048.673.330	986.062.131
Chi phí khác	32		359.939.528	6.681.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.688.733.802	979.381.131
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		128.252.766.938	(63.152.592.447)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(63.580.378)	(300.420.848)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		128.316.347.316	(62.852.171.599)

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập


Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp


Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng


Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	128.252.766.938	(63.152.592.447)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	18.450.955.738	19.380.168.441
Các khoản dự phòng	03	153.756.293.822	101.687.873.212
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	914.667.058	3.960.314
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(50.936.000)	(210.258.943)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(50.007.222.722)	(32.086.025.776)
Chi phí lãi vay	06	35.025.914.731	32.387.382.814
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	286.342.439.565	58.010.507.615
Biến động các khoản phải thu	09	(441.280.096.956)	(530.513.510.806)
Biến động hàng tồn kho	10	(202.867.741.154)	(406.126.296.816)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	354.266.356.054	581.379.952.642
Biến động chi phí trả trước	12	1.442.279.778	(758.599.067)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	1.833.095.218	-
		(263.667.495)	(298.007.946.432)
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.025.914.731)	(32.387.382.814)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.239.138.815)	(7.836.332.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.528.721.041)	(338.231.661.656)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(19.353.378.308)	(14.730.131.376)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	50.936.000	566.781.820
Tiền chi cho vay	23	(149.700.000.000)	(42.100.000.000)
Tiền thu hồi từ cho vay	24	47.200.000.000	68.583.309.684
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(8.500.000.000)	(157.900.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được phân phối	27	36.764.486.147	19.329.809.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(93.537.956.161)	(126.250.230.671)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	3.447.367.965.702	3.421.940.354.873
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.291.510.885.949)	(3.158.640.162.372)
Tiền chi trả cổ tức	36	(292.173.613.424)	-
Tiền chi cho hoạt động tài chính khác	36	(14.627.548.021)	(22.606.504.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.944.081.692)	240.693.687.850
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(286.010.758.894)	(223.788.204.477)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	349.195.011.952	295.636.710.483
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(961.312.796)	95.501.954
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	62.222.940.262	71.944.007.960

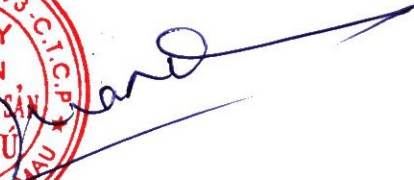
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập


Lê Quang Huy
 Kế toán tổng hợp


Lưu Minh Trung
 Kế toán trưởng




Lê Văn Điệp
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản; xây dựng và phát triển nhà dân dụng để bán và cho thuê cùng với các cơ sở (bao gồm cơ sở thương mại) nhằm mục đích cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2025: 16 công ty con và 1 công ty liên kết) như được trình bày ở Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 6.334 nhân viên (1/1/2025: 6.315 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoại trừ các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính. Các khoản mục này không được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	2 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 12 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 43 năm đến 59 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê trong đó Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ/năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.223.321.635	2.304.301.241
Tiền gửi ngân hàng	60.999.618.627	58.890.710.711
Các khoản tương đương tiền (*)	-	288.000.000.000
	62.222.940.262	349.195.011.952

- (*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền, được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 3,8% đến 4,0%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2025				1/1/2025			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	-	(5.263.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	-	(272.941.176)	18.823	272.941.176	188.230.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	-	-	-	-	18	180.000	505.800	-
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	-	-	-	-	19	80.000	1.217.900	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Ván Điện	-	-	-	-	163.646	3.270.588.235	2.291.044.000	(1.437.753.017)
		5.535.941.176	-	(5.535.941.176)		8.806.789.411	3.600.997.700	(5.580.753.017)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.806.789.411	8.806.789.411
Thanh lý	(3.270.848.235)	-
Số dư cuối kỳ	5.535.941.176	8.806.789.411

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.580.753.017	5.580.753.017
Dự phòng tăng trong kỳ	1.392.941.176	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.437.753.017)	-
Số dư cuối kỳ	5.535.941.176	5.580.753.017

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	11.500.000.000	11.500.000.000

Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 31 tháng 7 năm 2020, ngày 18 tháng 11 năm 2021 và ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn lần lượt vào ngày 30 tháng 7 năm 2030, ngày 18 tháng 11 năm 2031 và ngày 20 tháng 7 năm 2031 và hưởng lãi suất năm từ 6,53% đến 8,53% (1/1/2025: từ 6,53% đến 8,53%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Ebisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Tôm Chứng nhận Minh Phú

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,50%	99,50%	199.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	595.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh An Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.217.050.000.000	(725.700.490.216)	(iii)
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	99,83%	99,83%	266.540.000.000	(144.405.348.375)	(iii)
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(843.445.835.001)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	100,00%	100,00%	39.500.000.000	-	(iii)
Tỉnh An Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	338.200.000.000	(6.078.754.654)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	66,67%	66,67%	4.000.000.000	-	(iii)
			5.930.002.034.231	(1.719.630.428.246)	

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(iii)
------------------------------------	--------	--------	---------------	---	-------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2025

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty con

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Elbisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Tôm Chứng nhận Minh Phú

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,50%	99,50%	199.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	595.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.217.050.000.000	(646.674.196.336)	(iii)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,83%	99,83%	264.040.000.000	(144.405.348.375)	(iii)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(793.258.581.596)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	39.500.000.000	-	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	332.200.000.000	(6.078.754.654)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	66,67%	66,67%	4.000.000.000	-	(iii)
			5.921.502.034.231	(1.590.416.880.961)	

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(iii)
------------------------------------	--------	--------	---------------	---	-------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Tiểu bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd. được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích tại Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,95% lợi ích tại công ty này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú Hậu Giang”).
- (iii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.921.502.034.231	5.311.626.449.501
Góp vốn vào các công ty con trong kỳ	8.500.000.000	159.840.000.000
Số dư cuối kỳ	5.930.002.034.231	5.471.466.449.501

Không có biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.590.416.880.961	1.268.492.678.589
Tăng dự phòng trong kỳ	129.213.547.285	109.356.194.291
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(2.315.386.841)
Số dư cuối kỳ	1.719.630.428.246	1.375.533.486.039

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết có giá trị còn lại là 4.214.272 triệu VND (1/1/2025: 4.334.985 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	363.324.809.334	266.067.146.918
▪ Mseafood Corporation	331.718.475.067	226.962.359.273
▪ Kb Seafood Company Pty Ltd.	108.208.556.262	163.251.601.705
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	39.498.079.789	38.774.030.268
▪ Các khách hàng khác	309.862.636.820	302.071.912.445
	1.152.612.557.272	997.127.050.609

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	363.324.809.334	266.067.146.918
▪ Mseafood Corporation	331.718.475.067	226.962.359.273
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	39.498.079.789	38.774.030.268
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	2.382.302.735	-
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy hải sản Minh Phú	22.000.000	44.000.000
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Phát	22.000.000	-
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	-	606.254.795
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	-	110.087.671
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	-	59.929.727

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tất cả khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
			Dự phòng VND
Nợ quá hạn			
H.T. Foods Pvt Ltd.	Trên 6 năm	9.485.495.710	- (9.485.495.710)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	14.060.000.000	10.060.000.000
Các bên thứ ba		
▪ Công ty Cổ phần Năm Dững	3.324.600.000	1.755.000.000
▪ Jana Brothers Sea Foods LLP	3.229.783.200	-
▪ Sigma Seafood	-	8.791.658.460
▪ Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Magnum	-	6.112.336.680
▪ Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy Sản II	-	3.314.650.000
▪ Các nhà cung cấp khác	10.588.503.091	12.679.969.320
	<hr/> 31.202.886.291	<hr/> 42.713.614.460



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND và không có đảm bảo như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con				
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	6,0%	2026	132.200.000.000	1.700.000.000
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	6,0%	2026	122.200.000.000	151.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	3,8% - 6,0%	2026	18.800.000.000	17.500.000.000
			273.200.000.000	170.700.000.000

Biến động của phải thu về cho vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	170.700.000.000	141.983.309.684
Tăng trong kỳ	149.700.000.000	42.100.000.000
Thu hồi trong kỳ	(47.200.000.000)	(68.583.309.684)
Số dư cuối kỳ	273.200.000.000	115.500.000.000

Tất cả khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cổ tức phải thu	345.245.472.895	63.201.628.855
Chi hộ	936.652.503	1.607.507.147
Tạm ứng cho nhân viên	3.324.492.840	1.551.426.982
Đặt cọc ngắn hạn	450.000.000	450.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	1.242.846.575	110.000
Phải thu khác	2.650.724.202	6.403.315.323
	<hr/>	<hr/>
	353.850.189.015	73.213.988.307
	<hr/>	<hr/>

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	270.043.844.040	-
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	53.001.628.855	56.001.628.855
▪ Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	16.200.000.000	7.200.000.000
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	4.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Xã hội Tôm Chứng nhận Minh Phú	2.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	655.726.027	-
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	523.767.123	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	63.353.425	-
▪ Mseafood Corporation	42.344.250	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
▪ Lê Văn Quang	1.977.730.636	1.948.974.524
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, phải thu ngắn hạn khác có giá trị là 353.850 triệu VND (1/1/2025: 73.214 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	294.163.226.033	(1.548.623.649)	86.041.678.347	-
Công cụ và dụng cụ	1.563.861.737	(8.232.957)	1.295.164.432	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.084.195.930	(158.378.387)	25.428.803.935	-
Thành phẩm	984.340.857.068	(21.434.570.368)	994.518.752.900	-
	1.310.152.140.768	(23.149.805.361)	1.107.284.399.614	-

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	-	32.200.032.924
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	23.149.805.361	(5.352.934.238)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(11.954.620.083)
Số dư cuối kỳ	23.149.805.361	14.892.478.603

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 16.189 triệu VND (1/1/2025: Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	198.303.234.036	320.455.917.659	94.274.327.767	21.018.255.690	634.051.735.152
Tăng trong kỳ	1.234.049.662	6.651.100.481	250.000.000	1.088.590.400	9.223.740.543
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.197.242.362	-	-	1.197.242.362
Thanh lý	-	(2.466.999.347)	-	-	(2.466.999.347)
Số dư cuối kỳ	199.537.283.698	325.837.261.155	94.524.327.767	22.106.846.090	642.005.718.710
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	110.875.510.177	253.131.053.818	55.284.109.898	16.881.029.410	436.171.703.303
Khấu hao trong kỳ	4.501.217.853	9.597.034.496	3.459.209.865	511.310.242	18.068.772.456
Thanh lý	-	(2.466.999.347)	-	-	(2.466.999.347)
Số dư cuối kỳ	115.376.728.030	260.261.088.967	58.743.319.763	17.392.339.652	451.773.476.412
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	87.427.723.859	67.324.863.841	38.990.217.869	4.137.226.280	197.880.031.849
Số dư cuối kỳ	84.160.555.668	65.576.172.188	35.781.008.004	4.714.506.438	190.232.242.298

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 264.027 triệu VND (1/1/2025: 251.603 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 11.657 triệu VND (1/1/2025: 19.358 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.464.359.012	21.384.442.118	35.848.801.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.814.550.004	13.715.702.998	19.530.253.002
Khấu hao trong kỳ	92.770.673	744.528.345	837.299.018
Số dư cuối kỳ	5.907.320.677	14.460.231.343	20.367.552.020
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	8.649.809.008	7.668.739.120	16.318.548.128
Số dư cuối kỳ	8.557.038.335	6.924.210.775	15.481.249.110

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản cố nguyên giá là 5.267 triệu VND (1/1/2025: 4.435 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 1.578 triệu VND (1/1/2025: 1.610 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Hàng năm
Hàng năm
Hàng năm
Hàng năm
Hàng năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	82.611.181.002	100.424.595.075
Tăng trong kỳ	1.357.101.136	8.407.082.965
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.197.242.362)	(27.779.330.173)
Số dư cuối kỳ	82.771.039.776	81.052.347.867

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dự án nhà máy Khánh An	70.939.021.349	69.852.213.386
Quyền sử dụng đất	11.671.500.000	11.671.500.000
Cải tạo văn phòng	160.518.427	1.087.467.616
	82.771.039.776	82.611.181.002

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ	Tổng
	trả trước	và dụng cụ	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.543.261.900	13.034.325.864	33.577.587.764
Tăng trong kỳ	-	2.200.477.575	2.200.477.575
Phân bổ trong kỳ	(230.391.722)	(4.416.022.788)	(4.646.414.510)
Số dư cuối kỳ	20.312.870.178	10.818.780.651	31.131.650.829

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng đầu tư vào các công ty con	607.875.466	607.875.466
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	107.228.443	43.648.065
	715.103.909	651.523.531
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng phải thu khó đòi	(131.705.398)	(131.705.398)
	583.398.511	519.818.133
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần	583.398.511	519.818.133

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	263.638.312.278	-
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	26.200.000.000	23.240.000.000
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	3.323.180.258	13.788.904.193
▪ Các nhà cung cấp khác	99.877.519.396	90.124.575.707
	393.039.011.932	127.153.479.900
Số có khả năng trả nợ	393.039.011.932	127.153.479.900

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	263.638.312.278	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	26.200.000.000	23.240.000.000
▪ Công ty TNHH Xã hội Tôm Chứng nhận Minh Phú	5.895.899.174	5.787.027.687
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	3.323.180.258	13.788.904.193
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	4.191.855.439	1.307.405.340
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	1.542.589.035	1.304.587.754
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	7.297.404	77.537.477

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025.

17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ/ Phân loại lại VND	30/6/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	9.342.099.886	3.572.417.851	(12.053.352.447)	-	861.165.290
Thuế giá trị gia tăng	-	11.553.283.917	-	(11.553.283.917)	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	189.005.148	-	(189.005.148)	-
Thuế nhập khẩu	-	7.004.416	(10.741.569)	3.737.153	-
	9.342.099.886	15.321.711.332	(12.064.094.016)	(11.738.551.912)	861.165.290

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	74.540.245.805	36.339.780.055	(11.553.283.917)	99.326.741.943

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số cần trừ VND	30/6/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.671.630	-	205.671.630
Thuế nhập khẩu	761.228.693	3.737.153	764.965.846
Thuế nhà thầu nước ngoài	3.877.153.278	(189.005.148)	3.688.148.130
	4.844.053.601	(185.267.995)	4.658.785.606

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	10.336.006.471	3.967.549.309
Cổ tức phải trả	2.599.846.675	294.773.460.099
Phải trả khác cho nhân viên	-	32.249.725
Phải trả khác	9.491.132.486	635.307.430
	22.426.985.632	299.408.566.563

Không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025.

Phải trả ngắn hạn khác từ một bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty con		
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Phát	8.045.574.281	-

Các khoản phải trả phi thương mại cho công ty con không có bảo đảm, không tính lãi và phải trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ			
	1/1/2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Vay ngắn hạn	1.627.445.939.754	3.447.367.965.702	(3.291.510.885.949)	(120.872.708)
	1.627.445.939.754			1.783.182.146.799
Số có khả năng trả nợ	1.627.445.939.754			1.783.182.146.799

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2025 VND	1/1/2025 VND	
	2025	2024			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	4,4% - 4,6%	3,2% - 3,8%	1.054.908.449.152	344.206.733.587
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	4,1%	3,8% - 4,0%	107.011.390.620	817.317.870.236
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	4,4% - 4,6%	-	551.855.412.851	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	-	3,5% - 3,8%	-	391.719.803.534
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	4,6%	-	69.406.894.176	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	-	3,8% - 4,0%	-	74.201.532.397
				1.783.182.146.799	1.627.445.939.754

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

- Đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 5(c))
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)
- Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8)
- Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	45.535.986.569	36.194.142.791
Sử dụng quỹ trong kỳ	(6.694.254.551)	(8.161.342.901)
Hoàn nhập quỹ trong kỳ (Thuyết minh 21) (*)	(31.646.217.169)	-
Tăng khác	-	21.600.000
Số dư cuối kỳ	7.195.514.849	28.054.399.890

(*) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 6 năm 2025 đã phê duyệt việc hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 31.646 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	15.781.800.630	1.106.567.952.233	5.413.622.394.284
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(62.852.171.599)	(62.852.171.599)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	(22.606.504.651)	-	(22.606.504.651)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	(6.824.704.021)	1.043.715.780.634	5.328.163.718.034
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.009.383.000.000	292.269.641.421	62.592.983.652	730.190.384.852	5.094.436.009.925
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	128.316.347.316	128.316.347.316
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(27.151.756.014)	27.151.756.014	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20) (*)	-	-	-	31.646.217.169	31.646.217.169
Sử dụng quỹ	-	-	(14.627.548.021)	-	(14.627.548.021)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	4.009.383.000.000	292.269.641.421	20.813.679.617	917.304.705.350	5.239.771.026.389

(*) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 6 năm 2025 đã phê duyệt việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi lần lượt là 27.152 triệu VND và 31.646 triệu VND.

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.296.850.560	19.296.850.560
Từ hai đến năm năm	12.353.346.720	5.201.772.000
	31.650.197.280	24.498.622.560

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
JPY	300.727.205	54.130.356.900	327.544.012	53.389.673.956
USD	210.479	5.472.484.420	62.933	1.600.392.039
EUR	16.098	487.776.672	29.478	784.122.248
CAD	1.212	23.029.900	1.230	21.187.826
AUD	33	509.656	64	1.015.150
		60.114.157.548		55.796.391.219

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết bán JPY được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cam kết hợp đồng bán JPY	326.415.327.000	104.849.970.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	654.545.455

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	3.335.521.859.536	3.194.821.789.804
▪ Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	267.626.633.933	339.951.816.786
▪ Phế liệu đã bán	6.383.473.950	8.867.428.419
	3.609.531.967.419	3.543.641.035.009
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	5.760.355.944	36.658.389.285
Doanh thu thuần	3.603.771.611.475	3.506.982.645.724

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	2.886.851.279.371	2.907.721.076.758
Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	258.040.356.723	323.935.996.431
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.149.805.361	(5.352.934.238)
	<hr/>	<hr/>
	3.168.041.441.455	3.226.304.138.951
	<hr/>	<hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập cổ tức	42.880.000.000	29.060.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	7.127.222.722	2.862.355.776
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	-	163.670.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	28.562.432.079	17.197.905.966
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.013.811.082	29.850.685
	<hr/>	<hr/>
	79.583.465.883	49.313.782.427
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh và các công ty con	130.606.488.461	107.040.807.450
Chi phí lãi vay	35.025.914.731	32.387.382.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	37.660.713.595	37.054.022.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	914.667.058	3.960.314
Chi phí tài chính khác	4.165.673	397.223
	<hr/>	<hr/>
	204.211.949.518	176.486.570.715
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	62.395.586.071	72.690.662.003
Chi phí thuê kho	16.432.977.100	44.557.343.642
Chi phí hoa hồng	18.610.773.588	18.883.701.851
Chi phí nhân viên	9.033.774.546	9.684.867.436
Chi phí bán hàng khác	36.684.675.848	24.750.751.339
	<hr/>	<hr/>
	143.157.787.153	170.567.326.271
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.045.568.757	27.457.254.000
Dụng cụ văn phòng	6.040.794.059	6.768.927.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.303.782.611	5.797.855.697
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.186.919.393	4.372.091.938
Phí ngân hàng	853.399.493	997.397.656
Chi phí quản lý khác	1.949.401.783	1.676.838.787
	<hr/>	<hr/>
	41.379.866.096	47.070.365.792
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và giá vốn hàng bán	2.731.391.832.766	3.143.972.480.190
Chi phí nhân công và nhân viên	389.243.043.006	400.643.590.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.945.602.644	201.437.880.399
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.450.955.738	19.380.168.441
Chi phí khác	47.025.156.713	40.828.313.089
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(63.580.378)	(300.420.848)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhận/(lỗ) kế toán trước thuế	128.252.766.938	(63.152.592.447)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.825.276.694	(6.315.259.245)
Điều chỉnh khác	(59.940.091)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	866.445.201	3.174.077.297
Thu nhập không bị tính thuế	(4.288.000.000)	(2.922.367.000)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(7.330.196.835)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(2.077.165.347)	5.763.128.100
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp	(63.580.378)	(300.420.848)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	20.771.653.470	2.077.165.347
Lỗi tính thuế	383.554.098.833	38.355.409.883	456.856.067.177	45.685.606.718
	383.554.098.833	38.355.409.883	477.627.720.647	47.762.772.065

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Lỗi tính thuế được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	106.819.162.357
2029	Chưa quyết toán	276.734.936.476
		383.554.098.833

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	142.989.539.387	136.492.264.171
Chi phí thuê nhà xưởng	3.600.000.000	3.600.000.000
Thu nhập cổ tức	23.880.000.000	13.650.000.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Chi phí thuê nhà xưởng	4.800.000.000	4.800.000.000
Góp vốn	-	11.440.000.000
Cung cấp dịch vụ	120.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang		
Bán thành phẩm	478.999.229.122	377.114.874.388
Bán nguyên vật liệu	160.197.324	336.327.920
Thanh lý tài sản cố định	-	300.000.000
Hàng bán bị trả lại	929.354.016	-
Mua thành phẩm	257.884.884.248	323.610.314.491
Mua nguyên vật liệu	544.459.910	314.374.027
Mua dịch vụ	1.164.842.607	121.077.549
Giao dịch khác	964.128.312	-
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	39.034.639.427	40.154.939.079
Góp vốn	-	115.400.000.000
Cho vay	135.200.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	4.700.000.000	-
Thu nhập lãi từ cho vay	2.502.690.412	-
Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú		
Góp vốn	2.500.000.000	7.400.000.000
Mua dịch vụ	513.798.780	799.107.130

101-C.1
 NH
 TNHH
 G
 CHỈ M

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	15.380.661.382	25.627.808.061
Cho vay	13.200.000.000	37.600.000.000
Thu hồi khoản cho vay	42.500.000.000	62.583.309.684
Thu nhập lãi từ cho vay	3.251.962.464	2.421.698.051
Mseafood Corporation		
Bán thành phẩm	573.435.035.004	440.114.233.474
Hàng bán bị trả lại	-	33.364.298.040
Giao dịch khác	42.344.250	-
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	35.339.116.935	53.392.892.212
Mua dịch vụ	598.050.980	1.139.969.395
Ebisumo Logistic Co., Ltd.		
Bán thành phẩm	144.885.917.336	78.785.858.121
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú		
Bán thành phẩm	45.251.090.500	31.692.891.000
Mua nguyên vật liệu	461.145.926	242.926.113
Thanh lý tài sản cố định	-	8.013.700
Công ty TNHH Xã hội Tôm Chứng nhận Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	385.764.300.717	294.302.530.274
Mua dịch vụ	8.590.646.990	6.567.967.907
Thu nhập cổ tức	4.000.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú		
Góp vốn	6.000.000.000	25.600.000.000
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	7.390.861.866	9.554.380.187
Thanh lý tài sản cố định	-	240.000.000
Mua dịch vụ	120.000.000	-
Thu nhập cổ tức	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics		
Mua dịch vụ	342.857.143	986.534.825
Cho vay	1.300.000.000	4.500.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	6.000.000.000
Thu nhập lãi từ cho vay	376.829.315	290.008.219
Trả trước mua tài sản cố định	4.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		
Thu nhập cổ tức	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Thức ăn Tôm Xanh Minh Phú		
Thu nhập cổ tức	-	14.210.000.000
Công ty liên kết gián tiếp		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Mua dịch vụ	12.421.921.014	23.330.164.734
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	2.130.366.300	2.225.345.730

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Chu Thị Bình	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Quang	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Điệp	75.000.000	75.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	150.000.000	150.000.000
Bà Hồ Thu Lê	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	150.000.000	150.000.000
Ông Sasaki Takahiro	150.000.000	150.000.000
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	125.000.000	5.000.000
Bà Lê Thị Dịu Minh (từ ngày 21 tháng 6 năm 2025)	4.000.000	-
Ông Hamaya Harutoshi (đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	145.000.000
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)	71.000.000	75.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Quang	556.569.802	653.395.993
Bà Chu Thị Bình	587.512.423	615.384.556
Ông Lê Văn Điệp	1.683.883.478	1.729.793.690
Bà Lê Ngọc Anh (từ ngày 24 tháng 6 năm 2024)	-	140.000.000
Bà Lê Thị Dịu Minh	461.330.383	467.115.208
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)	138.600.000	-
Ông Tsunoda Norihisa (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)	277.200.000	415.800.000
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)	11.700.000	11.700.000
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Khánh	205.065.620	208.562.215
Bà Lâm Thị Thuý Kiều	175.570.164	171.222.861
Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	24.000.000	24.000.000

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Cần trừ cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản ứng trước từ khách hàng	-	35.885.422.605
Cần trừ cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản phải trả người bán	-	3.000.000.000
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	1.125.799.227	4.780.143.977
Chuyển khoản phải thu từ công ty con sang vốn góp	-	1.940.000.000

35. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản của Công ty phụ thuộc vào biến động theo mùa do điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Đặc biệt, hoạt động nuôi trồng thủy sản tại các khu vực địa lý quan trọng chịu ảnh hưởng tiêu cực do tình trạng thời tiết nóng và dịch bệnh, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Công ty đã nỗ lực để giảm thiểu những tác động mang tính thời vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để duy trì mức đáp ứng trong kỳ. Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong nửa đầu năm thường thấp hơn do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với cuối năm khi có nhiều lễ hội lớn trên thế giới.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có thay đổi đáng kể trọng yếu nào trong ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ so với ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

37. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

38. Sự kiện sau niên độ

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”), với tổng cổ phiếu dự kiến phát hành là 154.700 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu theo ESOP chưa được hoàn tất.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau niên độ cần được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

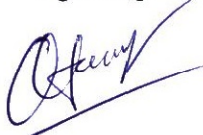
39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận riêng công ty mẹ 6 tháng \năm 2025 so với cùng kỳ đã soát xét)

KÍNH GỬI : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a,b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán .

Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ 6 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước như sau :

CHỈ TIÊU	6T2025	6T2024
Lợi nhuận sau thuế	128.316.347.316	(62.852.171.599)

Nguyên nhân:


- Do Công ty đẩy mạnh sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng làm cho tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu tăng làm cho lợi nhuận sau thuế tăng.
- Do Công ty kiểm soát tốt dòng tiền và các yếu tố chi phí góp phần làm cho lợi nhuận sau thuế tăng.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ tăng trên 10% và chuyển từ lỗ sang lãi so với cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT

Cà Mau, ngày 15 tháng 8 năm 2025- 

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

P. TỔNG GIÁM ĐỐC




LÊ VĂN ĐIỆP

